

Bản án số: **221/2018/HNGĐ-ST**  
Ngày: 27-7-2018  
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Loan Trần Hải Yến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Thế Cần – Bí thư đoàn phường T.
2. Bà Thiều Thị Phi Loan – Nguyên Hội phó Hội liên hiệp phụ nữ thành phố B.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Đông– Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 282/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 440/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp A, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: ấpA, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Văn Q**, sinh năm 1961.

Nơi cư trú cuối cùng: ấp A, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà N, ông Q vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2018, tại bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn Q chung sống với nhau từ năm 1983 nhưng đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do ông Q có người phụ nữ khác bên ngoài, hai vợ chồng thường xuyên gây gổ. Đến năm 2006 ông Q bỏ nhà đi cho đến nay, bà đã làm thủ tục yêu cầu tuyên bố một người mất

tích, Tòa án cũng đã ra quyết định tuyên bố một người mất tích. Nay bà làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Có 05 con chung:

1/ Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1983.

2/ Trần Thanh P, sinh năm 1986.

3/ Trần Thanh S, sinh năm 1988.

4/ Trần Thanh L, sinh năm 1991.

5/ Trần Trường T, sinh ngày 06/9/2000.

Khi ly hôn cháu D, P, S, L đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết. Bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Q nhưng ông Q vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.*

*Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn thực hiện không đúng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà N Về con chung: Giao cháu T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Q tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu. Bà N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng ông Trần Văn Q vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Trần Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 76/2004 ngày 11/6/2004 nên áp dụng Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo như bà N trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do ông Q có người phụ nữ khác bên ngoài, hai vợ chồng thường xuyên gây gổ. Đến năm 2006

ông Q bỏ nhà đi cho đến nay. Theo hồ sơ thể hiện, bà N cũng đã làm thủ tục yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với ông Q, ngày 22/9/2017 Tòa án nhân dân thành phố B đã ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự số: 35/2017/QĐDS-ST, về việc tuyên bố ông Trần Văn Q mất tích. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình cho ly hôn giữa bà Trần Thị N và ông Trần Văn Q.

[3] Về con chung: Bà N và ông Q có 05 con chung:

1/ Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1983.

2/ Trần Thanh P, sinh năm 1986.

3/ Trần Thanh S, sinh năm 1988.

4/ Trần Thanh L, sinh năm 1991.

5/ Trần Trường T, sinh ngày 06/9/2000.

Do cháu D, P, S, L đã trưởng thành nên bà N không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Trần Trường T bà N xin được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là trách nhiệm của cha mẹ. Khi ly hôn bà N xin được nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng. Xét thấy, cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ và hiện tại cháu đang do bà N chăm sóc nuôi dưỡng, do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu T nên giao cháu T cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành để tạo điều kiện ổn định phát triển về mọi mặt cho cháu T. Tạm thời ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Theo bà N trình bày không có. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Theo bà N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về nợ chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Bà N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị B.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị B và ông Trần Văn Q.

Về con chung: Cháu Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1983; cháu Trần Thanh P, sinh năm 1986; cháu Trần Thanh S, sinh năm 1988; cháu Trần Thanh L, sinh năm 1991 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết. Giao cháu Trần

Trường T, sinh ngày 06/9/2000 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 006173 ngày 17/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà N đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Loan Trần Hải Yến**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

